

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2021

“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thế.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc S, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 234B, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đ; (có mặt)

- Bị đơn: Anh Võ Văn P, sinh năm 1984; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số 234B, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2021, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/6/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị Ngọc S trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2010, chị S và anh Võ Văn P quen biết nhau, sau khi tìm hiểu và quyết định tiến đến hôn nhân, nên gia đình ai bên tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2011. Đến ngày 14/02/2012, chị S và anh P đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện L để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị S với anh P thời

gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau về cách nuôi dạy con, về chi phí sinh hoạt trong gia đình và anh P thường hay ăn chơi, uống rượu với bạn bè, không quan tâm, chăm sóc cho vợ con. Đến khoảng tháng 6/2014, thì anh P đã bỏ nhà đi đến nay. Mặc dù, chị S đã tìm kiếm và làm thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định nhưng vẫn không tìm được anh P. Đến ngày 11/10/2019, chị S tiếp tục có đơn yêu cầu tuyên bố anh P mất tích và được Tòa án huyện Lấp Vò chấp nhận tuyên bố anh P mất tích theo Quyết định số 07/2020/QĐDS-ST ngày 09/9/2020. Do anh P đã bỏ nhà đi hơn 07 năm, không chăm lo cho gia đình và hiện nay tình cảm vợ chồng giữa chị S với anh P đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị S với anh P có 01 người con chung tên Võ Thị Ngọc M, sinh ngày 16/12/2011. Hiện nay, cháu M đang do chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn Võ Văn P:* Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn Võ Văn P và Ủy ban nhân dân xã T cũng như tại Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng đến nay vẫn không thấy anh P trở về hay gửi văn bản ý kiến đến Tòa án để phản bác hoặc có yêu cầu phản tố lại với yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị Ngọc S.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Cho Chị Phạm Thị Ngọc S được ly hôn với anh Võ Văn P; Về con chung: Giao cháu Võ Thị Ngọc M, sinh ngày 16/12/2011 cho chị Phạm Thị Ngọc S tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét thấy, nguyên đơn Phạm Thị Ngọc S có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn Võ Văn P, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, bị đơn Võ Văn P có nơi cư trú cuối cùng tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đ, cho nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Võ Văn P đã được Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò tuyên bố mất tích theo Quyết định số 07/2020/QĐDS-ST ngày 09/9/2020 và Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn và Ủy ban nhân dân xã T cũng như tại Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn Phạm Thị Ngọc S với bị đơn Võ Văn P kết hôn năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 14/02/2012 (quyển số 01), cho nên, hôn nhân của chị S và anh P là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Vào khoảng tháng 6/2014, anh P đã bỏ nhà đi cho đến nay đã hơn 07 năm, không còn liên lạc với chị S. Và chị S cũng đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc anh P còn sống hay đã chết. Đồng thời, chị S đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò tuyên bố anh P mất tích và được Tòa án chấp nhận theo Quyết định số 07/2020/QĐDS-ST ngày 09/9/2019. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc S xin ly hôn với anh Võ Văn P đã thỏa mãn điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Xét thấy, cháu Võ Thị Ngọc M, sinh ngày 16/12/2011, tính đến nay cháu M đã hơn 07 tuổi và cháu M cũng có văn bản trình bày nguyện vọng là mong muốn sống chung với chị S. Bên cạnh đó, từ trước đến nay, chị S cũng đã trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo cho cháu M và các cháu M cũng đã phát triển tốt. Điều này, chứng tỏ chị S có đủ điều kiện để có thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt cho cháu M. Hơn nữa, do anh P hiện nay đã được Tòa án tuyên bố mất tích. Vì

vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị Phạm Thị Ngọc S là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng: Lẽ ra, anh Võ Văn P là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, chị S là người trực tiếp nuôi con, nhưng chị S không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho cháu M. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị S hiểu rằng việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con để chị S biết nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Xét thấy, việc chị S không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện và chị S có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con, nên Hội đồng xét xử không buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn Phạm Thị Ngọc S không yêu cầu Tòa án giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Phạm Thị Ngọc S có mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Võ Văn P vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc S.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Ngọc S được ly hôn với anh Võ Văn P.

1.2. Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc S được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Võ Thị Ngọc M, sinh ngày 16/12/2011 (cháu M đang do chị S trực tiếp nuôi dưỡng).

1.3. Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Anh Võ Văn P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị Phạm Thị Ngọc S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Võ Văn P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Phạm Thị Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị S đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0014135 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Chị S đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Phạm Thị Ngọc S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Võ Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã T¹;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thành Nhân

¹ Đăng ký ngày 14/02/2012; Số 21; Quyển số 01/2012.